

# Chương IV

## VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

### Bài 21

#### XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)

##### I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

##### 1. Về kiến thức

Hiểu rõ :

– Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương ; nguyên nhân của việc nước ta bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau.

– Nhiệm vụ của cách mạng hai miền trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1965 : miền Bắc vừa tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, vừa thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ; miền Nam tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến hành đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền Sài Gòn, tiến hành "Đồng khởi" thắng lợi, đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ, làm cho chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam đứng trước nguy cơ bị sụp đổ.

– Trong việc thực hiện những nhiệm vụ trên, nhân dân hai miền Nam – Bắc đã đạt được những thành tựu to lớn, nhưng cũng gặp không ít khó khăn, yếu kém, kể cả sai lầm, khuyết điểm, nhất là trong lĩnh vực quản lí kinh tế – xã hội ở miền Bắc.

##### 2. Về kĩ năng

– Rèn luyện kĩ năng phân tích, nhận định, đánh giá tình hình đất nước, nhiệm vụ cách mạng từng miền, âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam.

– Rèn luyện kỹ năng sử dụng lược đồ và quan sát, nhận xét các tranh, ảnh trong SGK, qua đó nhận thức lịch sử.

### **3. Về thái độ**

Bồi dưỡng tình cảm ruột thịt Bắc – Nam, thấm thía nỗi đau khi đất nước bị chia cắt, vui mừng trước những thành tựu của đất nước đạt được trong thời kỳ này ; từ đó có niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tiền đồ của cách mạng.

## **II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý**

### **1. Về nội dung**

Nội dung bài học đề cập đến giai đoạn lịch sử từ sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương đến khi Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc bằng không quân và hải quân (đầu năm 1965) và chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam (giữa năm 1965).

– Miền Bắc : Từ tháng 7 – 1954 đến năm 1957, hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ; từ năm 1958 đến năm 1960, cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá ; từ năm 1961 đến năm 1965, thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ hoàn thành cải cách ruộng đất và cải tạo quan hệ sản xuất theo con đường xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn, có nhiều ưu điểm, nhưng cũng gặp không ít khó khăn, yếu kém, cả sai lầm, khuyết điểm, cần đánh giá một cách khách quan.

– Miền Nam trải qua hai giai đoạn đấu tranh : Từ năm 1954 đến năm 1960 – đấu tranh gìn giữ hoà bình, tiến tới "Đồng khởi" ; từ năm 1961 đến năm 1965 – chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

+ "Đồng khởi" (1959 – 1960) ở miền Nam là cuộc nổi dậy của quần chúng và là cuộc khởi nghĩa từng phần, nổ ra ở nông thôn nhằm đánh vào chế độ Mĩ – Diệm, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà. Với thắng lợi của "Đồng khởi", cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công liên tục quân địch. Thời kỳ ổn định tạm thời của chính quyền Mĩ – Diệm ở miền Nam đã chấm dứt và chuyển sang thời kỳ khủng hoảng trầm trọng. Nó chứng tỏ chiến lược "Chiến tranh đơn phương" của Mĩ đã hoàn toàn thất bại.

– Ở miền Bắc : Ngày 10 – 10 – 1954, bộ đội và cán bộ ta vào tiếp quản Thủ đô Hà Nội. GV hướng dẫn HS quan sát hình *Nhân dân Hà Nội mừng đón bộ đội vào tiếp quản Thủ đô ( 10 – 10 – 1954 )* trong SGK để thấy được không khí tràn ngập niềm vui giải phóng ở Thủ đô Hà Nội. Theo điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, Việt Nam và Pháp đã hoàn thành việc tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực sau thời hạn 300 ngày, kể từ ngày kí Hiệp định Giơnevơ (21 – 7 – 1954). Ngày 16 – 5 – 1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

– Ở miền Nam, giữa tháng 5 – 1956, Pháp rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam, nhưng vẫn còn nhiều điều khoản của Hiệp định Giơnevơ có liên quan đến trách nhiệm của họ chưa được thi hành, trong đó có điều khoản tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử tự do, thống nhất hai miền Nam – Bắc Việt Nam. Mĩ từng bước thay thế vị trí của Pháp ở miền Nam, ép Pháp trao quyền cai trị miền Nam cho Ngô Đình Diệm.

Vì vậy, nét nổi bật của tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là tình trạng đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau. Có tình trạng đó là do âm mưu và hành động vi phạm Hiệp định của thực dân Pháp, sau đó là Mĩ và chính quyền Sài Gòn. Nhiệm vụ đặt ra cho cách mạng Việt Nam lúc này là vừa phải hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, vừa phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

## **Mục II – Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 – 1960)**

### ***1. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957)***

#### ***a) Hoàn thành cải cách ruộng đất***

GV nhấn mạnh để HS hiểu được : Cải cách ruộng đất là cuộc cách mạng nhằm tiếp tục giải quyết vấn đề ruộng đất, xoá bỏ những tàn dư của chế độ phong kiến, chia ruộng đất cho dân cày nghèo.

GV có thể hướng dẫn HS quan sát hình *Nông dân phấn khởi nhận ruộng trong cải cách ruộng đất*, trong SGK, đặt câu hỏi để HS trả lời, qua đó trình bày được diễn biến của quá trình cải cách ruộng đất : Cải cách ruộng đất được tiến hành từ khi nào ? (cải cách ruộng đất được tiến hành làm 5 đợt, bắt đầu từ cuối

năm 1953 và kết thúc vào năm 1956. Đợt 1 được tiến hành ở những vùng tự do khi cuộc kháng chiến chống Pháp sắp kết thúc ; bốn đợt còn lại được tiến hành khi miền Bắc đã được giải phóng).

Thắng lợi của cải cách ruộng đất rất to lớn, nhưng chúng ta cũng phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng và kéo dài (xem SGK). Tháng 9 – 1956, Đảng đã họp Hội nghị Trung ương lần thứ 10 để kiểm điểm và kiên quyết sửa chữa những sai lầm trong cải cách ruộng đất. Công tác sửa sai được tiến hành trong năm 1957, nhờ đó hậu quả của sai lầm được hạn chế và ý nghĩa thắng lợi của cải cách ruộng đất vẫn hết sức to lớn.

Về kết quả và ý nghĩa của cải cách ruộng đất, GV hướng dẫn HS học theo SGK.

### *b) Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh*

GV cần phân tích cho HS hiểu rõ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh là nhiệm vụ tất yếu trong thời kì đầu sau khi chiến tranh kết thúc. GV sử dụng nội dung của kênh chữ kết hợp với hình 59, 60 trong SGK, giới thiệu cho HS biết được những thành tựu mà nhân dân ta thu được trong thời kì khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp, văn hoá, giáo dục, y tế và củng cố quốc phòng.

Ý nghĩa của những thành tựu đạt được là : Nền kinh tế miền Bắc bị chiến tranh tàn phá nặng nề được phục hồi, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện từng bước, góp phần củng cố miền Bắc, đảm bảo chi viện và cổ vũ cho cách mạng miền Nam.

### **2. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội (1958 – 1960)**

Trước hết, GV giải thích cho HS hiểu rõ : Cải tạo quan hệ sản xuất theo con đường xã hội chủ nghĩa là thực hiện nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, là sửa lại, sắp xếp lại nền kinh tế nước ta, dần dần tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

(GV lưu ý : Trong công cuộc đổi mới hiện nay, quan niệm cải tạo không nhằm xoá bỏ mà sử dụng có hiệu quả, để tồn tại các thành phần kinh tế, không phân biệt hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất còn có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển. Hết sức khuyến khích các thành phần kinh tế, các cơ sở sản xuất mang lại nhiều việc làm cho người lao động, tạo điều kiện cho mọi người lao động có điều kiện sản xuất ra nhiều hàng hoá và nhiều của cải vật chất cho xã hội.)

– Trong 3 năm (1958 – 1960), miền Bắc đã tiến hành cải tạo trong tất cả các ngành kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh, trong đó khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

– Về kết quả, tác dụng và hạn chế của công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất (1958 – 1960), GV giảng theo SGK.

GV cần nhấn mạnh, cùng với cải tạo là nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế mà trọng tâm là phát triển thành phần kinh tế quốc doanh ; vì vậy, đến năm 1960, tổng sản lượng công nghiệp quốc dân tăng lên. Những biến đổi về kinh tế đã tạo điều kiện cho sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế phát triển.

– Cuối mục, GV có thể giới thiệu một sự kiện chính trị đánh dấu sự phát triển và hoàn thiện của Nhà nước ta. Đó là ngày 31 – 12 – 1959, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp mới – Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên của nước ta. Ngày 1 – 1 – 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh công bố bản Hiến pháp mới. Hiến pháp ghi nhận những thành quả cách mạng đã giành được và nêu rõ mục tiêu phấn đấu của nhân dân ta trong giai đoạn mới ; quy định trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân nhằm phát huy sức sáng tạo to lớn của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Mục III – Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới "Đồng khởi" (1954 – 1960)**

***1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 – 1959)***

Mở đầu mục này, GV có thể phân tích tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam trong tình hình mới, khi Mĩ triển khai và áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam thì đối tượng đấu tranh của nhân dân ta không còn là chủ nghĩa thực dân kiểu cũ mà đã chuyển sang chủ nghĩa thực dân kiểu mới – đế quốc Mĩ, một siêu cường có sức mạnh kinh tế và quân sự, lại rất hiếu chiến. Vì vậy, cuộc đấu tranh chống Mĩ – Diệm, gìn giữ hoà bình, thống nhất đất nước của nhân dân ta, trực tiếp là nhân dân miền Nam, chắc chắn sẽ diễn ra ác liệt gấp bội so với thời kì kháng chiến chống Pháp.

GV phân tích để HS hiểu được cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam thời gian này diễn ra dưới hình thức những cuộc đấu tranh chính trị nhằm bảo vệ hoà bình, đòi Mĩ – Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ như : Đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam, chống trò hề "trưng cầu dân ý", "bầu cử quốc hội" riêng rẽ của Mĩ – Diệm, chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" của Mĩ – Diệm, đòi quyền tự do, dân sinh, dân chủ, tiêu biểu và mở đầu là "phong trào hoà bình" của trí thức và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn, bắt đầu từ tháng 8 – 1954.

"Phong trào hoà bình" bị Mĩ – Diệm đàn áp, khủng bố nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam nhằm gìn giữ hoà bình vẫn tiếp tục dâng cao, nhất là từ những năm 1958 – 1959, phong trào có những thay đổi về mục tiêu và hình thức đấu tranh từ đấu tranh chính trị, hoà bình chuyển sang dùng bạo lực, tiến hành đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang, chuyển dần lên thành phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960).

## **2. Phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960)**

Phần này, GV cần khắc sâu cho HS biết rõ hoàn cảnh nổ ra phong trào "Đồng khởi"; chủ trương của Đảng về khởi nghĩa ở miền Nam; "Đồng khởi" là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm của nhân dân miền Nam bắt đầu từ năm 1954, là biến cố cách mạng quan trọng đầu tiên ở miền Nam...

Cụ thể, tập trung vào các ý sau :

– Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp (1 – 1959) đã chỉ ra : ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác.

– Phương pháp đấu tranh ở miền Nam là tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Hướng phát triển của cách mạng miền Nam có thể như Cách mạng tháng Tám 1945 : từ khởi nghĩa từng phần, tiến lên nhất loạt nổi dậy đập tan chính quyền địch.

– GV giải thích thuật ngữ "Đồng khởi" để HS hiểu : "Đồng khởi" có nghĩa là đồng loạt khởi nghĩa, là cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân miền Nam. Cuộc khởi nghĩa từng phần diễn ra ở nông thôn miền Nam lúc đầu lẻ tẻ, sau được Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 soi sáng đã bùng lên thành một cao trào, tiêu biểu là ở tỉnh Bến Tre, rồi lan rộng ra khắp Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. Về diễn biến và kết quả của "Đồng khởi", GV giảng theo SGK kết hợp hướng dẫn HS quan sát *Lược đồ phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam* để hiểu rõ quy mô của phong trào.

GV nhấn mạnh ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" : giáng một đòn nặng nề vào chế độ Mĩ – Diệm, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công liên tục và giai đoạn ổn định của kẻ thù đã chấm dứt, giai đoạn khủng hoảng triển miên bắt đầu.

– GV kết hợp sử dụng hình 62 trong SGK để trình bày sự kiện quan trọng của cách mạng miền Nam : Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20 – 12 – 1960) là một sự kiện quan trọng của cách mạng miền Nam. Cương lĩnh

của Mặt trận (thực hiện theo đường lối của Đảng) có tác dụng tập hợp rộng rãi mọi lực lượng yêu nước đứng lên chống Mĩ – Diệm ; cô lập, phân hoá hơn nữa kẻ thù, đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình tiến tới thống nhất Tổ quốc.

#### **Mục IV – Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 – 1965)**

##### ***1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960)***

GV hướng dẫn cho HS nhận thức được :

– Hoàn cảnh tiến hành Đại hội : Đất nước ta bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau. Miền Bắc đã hoàn thành thắng lợi công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá. Cách mạng miền Nam đã vượt qua được thời kì đen tối và khó khăn ; với thắng lợi của phong trào "Đồng khởi", cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Bước sang giai đoạn mới, cách mạng ở hai miền cũng gặp không ít khó khăn, yêu cầu cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, tháng 9 – 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã họp tại Thủ đô Hà Nội (hình 63, SGK) nhằm đáp ứng yêu cầu đó của cách mạng – là "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà".

– Trên cơ sở phân tích đặc điểm tình hình nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ cách mạng chung của cả nước và nhiệm vụ cách mạng của từng miền.

Khi giảng về vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, GV nêu hoặc đưa ra những dẫn chứng cụ thể để HS biết được : Miền Bắc là hậu phương lớn, có vai trò quyết định nhất (xây dựng miền Bắc vững mạnh, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam là nền tảng và là gốc rễ cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta). Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định trực tiếp (trực tiếp đương đầu với đế quốc Mĩ và tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc).

– Về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do Đại hội đề ra, GV giảng theo SGK.

##### ***2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965)***

– GV nhấn mạnh : Việc miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, tức là bắt đầu thời kì lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (GV giảng theo SGK).

– Những thành tựu của miền Bắc đạt được do việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm trong tất cả các ngành kinh tế và trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế : GV hướng dẫn HS học theo SGK. Đặc biệt, cần nhấn mạnh : Nhờ những thành tựu trên mà miền Bắc đã làm tốt nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Để khẳng định thành tựu của miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965), GV cho HS đọc phần đánh giá của Hội nghị Trung ương Đảng (12 – 1965) nêu trong SGK.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, miền Bắc gặp không ít khó khăn do sai lầm về chủ trương phát triển chủ yếu thành phần kinh tế quốc doanh và hợp tác xã, hạn chế phát triển các thành phần kinh tế khác ; chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, hiện đại hoá nền kinh tế nhỏ bé, lạc hậu khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết.

## **Mục V – Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ (1961 – 1965)**

### ***1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam***

– Mở đầu mục này, GV có thể đặt câu hỏi cho HS thảo luận : Tại sao đế quốc Mĩ tiến hành thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam ?

GV định hướng để HS trả lời. Cần làm rõ : Sau thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960), quần chúng nhân dân tiếp tục nổi dậy kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn. Trong khi đó, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển mạnh mẽ, trực tiếp đe dọa hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Để đối phó lại, Kennơđi vừa lên làm Tổng thống Mĩ đã đề ra chiến lược toàn cầu "phản ứng linh hoạt". Chiến lược này được Mĩ thí điểm ở miền Nam dưới hình thức chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" mà đế quốc Mĩ tiến hành ở miền Nam (1961 – 1965) là một trong ba chiến lược chiến tranh – "đặc biệt", "cục bộ", "tổng lực", trong chiến lược toàn cầu "phản ứng linh hoạt".

– Tiếp theo, GV đặt câu hỏi : Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ thể hiện trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" như thế nào ?

GV hướng dẫn HS đọc SGK. Ngoài ra, GV có thể nhấn mạnh thêm cho HS thấy rõ âm mưu và thủ đoạn cụ thể của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" qua

kế hoạch Xtalây – Taylo nhằm bình định miền Nam nước ta trong vòng 18 tháng, với các biện pháp tàn bạo như : tăng cường quân đội Sài Gòn và hệ thống cố vấn Mĩ, càn quét, đánh phá, dồn dân, lập "ấp chiến lược", quấy rối miền Bắc... Đến đầu năm 1964, Mĩ và chính quyền Sài Gòn đặt yêu cầu "bình định" có trọng điểm miền Nam trong hai năm (1964 – 1965) bằng kế hoạch Giônxon – Mác Namara.

## **2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ**

GV có thể trình bày :

– Để chống lại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ, quân và dân ta ở miền Nam đã đẩy mạnh đấu tranh, phát triển các cuộc khởi nghĩa quần chúng lên chiến tranh cách mạng, kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh nhân dân.

– Cuộc chiến đấu của quân và dân ta chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ phát triển qua từng năm, bằng "ba mũi giáp công" (quân sự, chính trị, binh vận), kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, nổi dậy và tiến công trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị), làm lung lay từng bước ba chỗ dựa của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" và chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ nói chung – đó là quân đội Sài Gòn, chính quyền Sài Gòn (công cụ), "ấp chiến lược" (xương sống) và đô thị (hậu cứ).

GV cần phân tích cho HS thấy rõ tính chất quyết liệt, giằng co, phức tạp của cuộc chiến đấu chống kế hoạch bình định, dồn dân, lập "ấp chiến lược" của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu SGK và chỉ ra được thắng lợi của quân dân ta trên các mặt trận :

– Với việc nổi dậy của quần chúng, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang cách mạng, quân dân miền Nam đã phá tan từng mảng "ấp chiến lược" (hình 67) – xương sống của "Chiến tranh đặc biệt", khiến cho quân Mĩ và quân đội Sài Gòn không thực hiện được hai kế hoạch bình định miền Nam (kế hoạch Xtalây – Taylo và kế hoạch Giônxon – Mác Namara).

– Bằng đấu tranh quân sự, có sự phối hợp của đấu tranh chính trị và công tác binh vận, quân dân miền Nam đã làm tan rã từng mảng quân đội Sài Gòn – "công cụ" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" với những chiến thắng tiêu biểu như trận Ấp Bắc (1 – 1963), Bình Giã (đông – xuân 1964 – 1965), làm phá sản cơ bản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

– Đấu tranh chính trị ở đô thị, nhất là các đô thị lớn (Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng) được mở đầu bằng cuộc đấu tranh của tăng ni, Phật tử, học sinh, sinh viên,... làm cho đô thị – hậu cứ của địch trong "Chiến tranh đặc biệt" rối loạn, góp phần cùng với thắng lợi quân sự làm lung lay chế độ Ngô Đình Diệm, dẫn đến cuộc đảo chính lật đổ anh em Diệm – Nhu (1 – 11 – 1963). Từ sau cuộc đảo chính này, chính quyền Sài Gòn lâm vào tình trạng khủng hoảng, nội bộ lục đục, liên tiếp diễn ra những cuộc đảo chính thay đổi người đứng đầu chính quyền ; vì vậy, chỉ trong vòng một năm rưỡi (từ cuối năm 1963 đến giữa năm 1965), đã có hơn 10 cuộc đảo chính quân sự ở Sài Gòn.

### **3. Sơ kết bài học**

GV chốt lại những ý chính :

– Về nhiệm vụ của cách mạng hai miền trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1965 ; thành tựu, khó khăn...

– Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" cùng với thắng lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã tạo những điều kiện thuận lợi, những lực lượng to lớn về mọi mặt để tiếp tục đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước tiến lên giành những thắng lợi mới.

### **4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài**

*Câu 1.* HS có thể căn cứ vào nội dung của mục II và mục IV của bài để trả lời ; chú ý đến thắng lợi của cải cách ruộng đất, những thành tựu đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957), cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội (1958 – 1960) ở các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp, văn hoá, giáo dục và y tế ; nêu những thành tựu của miền Bắc sau khi thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965). HS có thể kết luận cho câu trả lời của mình bằng điều khẳng định sau đây : Trải qua hơn 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh.

*Câu 2.* GV hướng dẫn cho HS dựa vào mục III để trình bày. Có sự so sánh hai giai đoạn trước "Đồng khởi" và từ "Đồng khởi" trở đi : thế tiến công cách mạng được thể hiện thông qua các sự kiện lịch sử.

## V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

### 1. Nhân dân ta thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương

Vào lúc 0 giờ ngày 22 – 7 – 1954, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra lệnh ngừng bắn trên chiến trường Việt Nam.

- Ngày 22 – 7, ngừng bắn trên chiến trường Bắc Bộ ;
- Ngày 1 – 8, ngừng bắn trên chiến trường Trung Bộ ;
- Ngày 11 – 8, ngừng bắn trên chiến trường Nam Bộ.

*(Viện Sử học, Việt Nam –  
Những sự kiện lịch sử 1945 – 1975, Sđd, tr. 139)*

### 2. Cuộc "Đồng khởi" của đồng bào Bến Tre

Kế hoạch tiến hành được giữ bí mật tuyệt đối. Đúng 8 giờ sáng ngày 17 – 1 – 1960, tại xã Định Thủy (cách huyện lỵ Mỏ Cày 3 km), các đồng chí lãnh đạo đã chớp thời cơ nổ súng. Thạnh Phú, Minh Tân, Mỏ Cày đồng khởi nhất loạt đêm 17 – 1 – 1960. Trước tình hình phát triển thắng lợi, ngay đêm 17 – 1 – 1960, Ban lãnh đạo đồng khởi thảo ra một quân lệnh : anh em binh sĩ dù có tội ác thế nào nhưng nếu biết ăn năn, hối cải, mang súng trở về với nhân dân, sẽ được khoan hồng tha thứ ; tề xã, tề ấp, trưởng liên gia, công an, chỉ điểm viên đi trả chức và ra thú tội với nhân dân thì được nhân dân tha tội ; địa chủ nào dựa hơi địch, giạt đất, tăng tô của nông dân phải trả lại cho nông dân. Quân lệnh nêu thời hạn từ ngày 17 đến ngày 25 – 1 – 1960, nếu ai không tuân lệnh sẽ bị nhân dân lên án, tử hình, tịch thu tài sản.

Qua một đêm "Đồng khởi", bộ máy kìm kẹp của địch ở một số xã đã bị tan rã hẳn. Sau hai ngày, địch mất các bốt Định Thủy, Bình Khánh, Phước Hiệp. Ta giải phóng hoàn toàn ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh. Trung đội giải phóng đầu tiên của Bến Tre sinh ra trong phong trào "Đồng khởi" đã làm lễ ra mắt tại một vườn dừa của xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày.

Từ thắng lợi này, chỉ trong một tuần (từ ngày 17 đến ngày 24 – 1 – 1960), 47 xã thuộc các huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, nhân dân nhất tề nổi dậy, 22 xã diệt ác, lấy đồn, giải phóng toàn xã, 25 xã khác giải phóng nhiều ấp.

*(Viện Sử học, Việt Nam –  
Những sự kiện lịch sử 1945 – 1975, Sđd, tr. 191)*

### **3. Thắng lợi trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965)**

Vượt qua khỏi thời kì khó khăn từ năm 1954 đến năm 1959, dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II (1 – 1959) và Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng, cách mạng miền Nam đã chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Vào cuối năm 1959 – đầu năm 1960, những cuộc "Đồng khởi" đã nổ ra trong những vùng rộng lớn thuộc đồng bằng Nam Bộ và rừng núi miền Trung. Những cuộc khởi nghĩa từng phần ấy đã phát triển nhanh chóng, nhất là từ sau chiến thắng Ấp Bắc, thành một cuộc chiến tranh cách mạng vừa đấu tranh quân sự, vừa đấu tranh chính trị, kết hợp đánh địch ở rừng núi và nông thôn đồng bằng với phong trào đấu tranh quyết liệt ở thành thị, đẩy chế độ phát xít tay sai Ngô Đình Diệm đến sụp đổ và làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ.

*(Báo cáo chính trị của BCH TƯ Đảng  
tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, NXB Sự thật, H., 1977, tr. 16)*